TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 7/6/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG,TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoài Nam.

2. Bà Trịnh Thị Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" , theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L - SN 1990

Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phạm Văn B - SN 1990

Địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh B không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình hòa giải nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/10/2010.

Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B hay cờ bạc, rượu, chè và nghiện hút ma

túy. Chị khuyên giải nhưng anh B không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 12/2011, chị L đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Tháng 4/2012 chị đã làm đơn xin ly hôn anh B tại Tòa án huyện Quảng Xương, nhưng vì con còn nhỏ chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút đơn khởi kiện vợ chồng vẫn không thể về đoàn tụ được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 01con chung là cháu Phạm Thị Mai Ph - Sinh ngày 10/3/2011. Hiện nay cháu Ph đang ở với chị. Nếu được ly hôn, nguyện vọng của chị L xin nuôi con, không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền nuôi con chung với chị.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn B trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh không làm ra tiền, chơi bời, cờ bạc, bia bọt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Tháng 12/2011 chị L đã bế con về nhà bố, mẹ đẻ ở , vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Năm 2012 chị L đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án huyện Quảng Xương, nhưng sau đó không hiểu lý do vì sao Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý, anh muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

- *Về con cái*: Anh thống nhất với chị L, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Mai Ph - Sinh ngày 10/3/2011, Hiện nay cháu đang ở với chị L. Nếu phải ly hôn, anh nhường con cho chị L nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị L mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con thành niên.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2019 cháu Phạm Thị Mai Ph trình bày: Hiện nay cháu đang ở với chị L, cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ nếu bố, mẹ phải ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 04/4/2019, ông trưởng thôn 8, xã Q, huyện Q báo cáo: Anh Phạm Văn B và chị Bùi Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng cuối năm 2011 chị L đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh, chị không báo cáo. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị L, anh B có 01 con chung là cháu Phạm Thị Mai Ph - Sinh ngày 10/3/2011; Hiện nay cháu Ph đang ở với chị L. Nếu anh, chị ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Về tài sản và công nợ: Địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị L và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q ngày 11/10/ 2010 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên rượu, chè, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, xúc phạm lẫn nhau. Tháng 12/2011, chị L đã bế con về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Mặt khác,năm 2012 chị L đã làm đơn xin ly hôn anh B tại Tòa án huyện Quảng Xương, nhưng sau đó chị L rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Anh B thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng, anh xét thấy anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng anh không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L tha thiết xin được ly hôn anh B. Anh B xin đoàn tụ. Xét thấy chị L và anh B đã sống ly thân nhau một thời gian dài từ tháng 12/2011 đến nay không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên, năm 2012 chị L đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh B tại Tòa án, nhưng vì con cái chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Song cũng từ đó cho đến nay anh, chị vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh B cũng không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ và chồng nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L là phù hợp.

[3]*Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị Mai Ph - Sinh ngày 10/3/2011. Hiện nay cháu Ph đang ở với Chị L. Quá trình giải quyết vụ án, anh, chị thống nhất giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh B tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị L mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Lê và anh B là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị L, anh B đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, anh B phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2916/UBTVQH14.

Xử:

1.*Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Phạm Văn B.

2.*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu PhạmThị Mai Ph - Sinh ngày 10/3/2011.

Chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị L, anh B như sau:

Giao cháu Phạm Thị Mai Ph cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị L mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 06/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị L, anh B thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4.*Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1483 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, anh B phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Thị Lý